

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI

Năm Học : 2008 - 2009

Lớp Học : L32CCD1

Học Kỳ : 2

Môn Học : Vẽ kỹ thuật

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	CGS.LT364	Nguyễn Phú							0									0.0	0.0			
2	321010100	Nguyễn Văn Hiệp							4									4.0	2.0			
3	321010100	Trần Văn Bang							2									2.0	1.0			
4	321010100	Huỳnh Ngọc Bảo							4									4.0	2.0			
5	321010100	Nguyễn Bảo							2									2.0	1.0			
6	321010101	Trần Văn Chung							6									6.0	3.0			
7	321010101	Nguyễn Thành Công							3									3.0	1.5			
8	321010101	Đỗ Văn Cường							6									6.0	3.0			
9	321010101	Nguyễn Duy Cường							3									3.0	1.5			
10	321010101	Võ Văn Cường							6									6.0	3.0			
11	321010102	Lê Văn Diên							0									0.0	0.0			
12	321010102	Doãn Đăng Dũng							0									0.0	0.0			
13	321010102	Nguyễn Minh Dương							6									6.0	3.0			
14	321010103	Phạm Quang Đại							4									4.0	2.0			
15	321010103	Phạm Đăng Đạt							3									3.0	1.5			
16	321010103	Nguyễn Anh Đào							4									4.0	2.0			
17	321010103	Ngô Mạnh Đoàn							2									2.0	1.0			
18	321010103	Nguyễn Ngọc Đức							4									4.0	2.0			
19	321010103	Trần Anh Đức							5									5.0	2.5			

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
20	321010104	Nguyễn Hữu Hạ							6									6.0	3.0			
21	321010104	Nguyễn Đức Hải							2									2.0	1.0			
22	321010104	Nguyễn Đình Hiển							8									8.0	4.0			
23	321010104	Trịnh Nguyễn Xuân Hiển							0									0.0	0.0			
24	321010104	Hoàng Đức Hoài							6									6.0	3.0			
25	321010105	Trần Thanh Hòa							4									4.0	2.0			
26	321010105	Lê Hoàng Huân							7									7.0	3.5			
27	321010105	Ngô Đức Hùng							4									4.0	2.0			
28	321010105	Nguyễn Tuấn Hùng							3									3.0	1.5			
29	321010105	Phạm Minh Hùng							6									6.0	3.0			
30	321010105	Cao Vọng Huy							4									4.0	2.0			
31	321010105	Nguyễn Phước Hưng							3									3.0	1.5			
32	321010105	Đoàn Tuấn Khanh							5									5.0	2.5			
33	321010106	Lê Văn Khiêm							4									4.0	2.0			
34	321010106	Hoàng Trọng Khiết							6									6.0	3.0			
35	321010106	Phùng Sao Khuê							3									3.0	1.5			
36	321010106	Lê Huỳnh Vĩnh Kiên							5									5.0	2.5			
37	321010106	Nguyễn Trung Kiên							2									2.0	1.0			
38	321010106	Bùi Vũ Sơn Lâm							4									4.0	2.0			
39	321010106	Nguyễn Văn Lại							9						5			9.0	7.0			Học lại
40	321010107	Lê Văn Linh							5									5.0	2.5			
41	321010107	Nguyễn Duy Long							5									5.0	2.5			
42	321010107	Lê Quang Lộc							4									4.0	2.0			
43	321010107	Cái Viết Luận							4									4.0	2.0			
44	321010107	Nguyễn Văn Lực							5									5.0	2.5			

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN		HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
45	321010107	Lê Minh	Lương							5									5.0	2.5			
46	321010108	Hồ Xuân	Lý							5									5.0	2.5			
47	321010108	Nguyễn Ngọc	Minh							6									6.0	3.0			
48	321010108	Phạm Hoàng	Minh							4									4.0	2.0			
49	321010108	Nguyễn Bá	Nam							7									7.0	3.5			
50	321010109	Nguyễn Tấn	Ngọc							5									5.0	2.5			
51	321010109	Võ Thành	Nguyên							0									0.0	0.0			
52	321010109	Nguyễn Hồng	Nhật							3									3.0	1.5			
53	321010109	Đặng Quốc	Phong							3									3.0	1.5			
54	321010109	Hoàng Quốc	Phong							6									6.0	3.0			
55	321010110	Huỳnh Chí	Phượng							3									3.0	1.5			
56	321010110	Nguyễn Văn	Phượng							5									5.0	2.5			
57	321010110	Đinh Hữu	Quý							4									4.0	2.0			
58	321010111	Hoàng Lâm	Quý							6									6.0	3.0			
59	321010111	Nguyễn Phú	Sang							7									7.0	3.5			
60	321010111	Dương Quốc Hoàng	Sơn							6									6.0	3.0			
61	321010111	Huỳnh Đắc	Ta							6									6.0	3.0			
62	321010112	Lý Hoàng	Thanh							4									4.0	2.0			
63	321010111	Sann So	Thanh							1									1.0	0.5			
64	321010112	Kiều Xuân	Thân							8									8.0	4.0			
65	321010112	Mai Trọng	Thái							4									4.0	2.0			
66	321010112	Châu Văn	Thảo							4									4.0	2.0			
67	321010112	Võ Ngọc	Thi							4									4.0	2.0			
68	321010113	Phan Văn	Thuận							0									0.0	0.0			
69	321010113	Nguyễn Thanh	Thuật							7									7.0	3.5			

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN		HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
70	321010113	Lê Việt	Thượng							7									7.0	3.5			
71	321010113	Trần Thái	Tiên							3									3.0	1.5			
72	321010114	Huỳnh Văn	Trí							4									4.0	2.0			
73	321010114	Võ Quang	Trí							7									7.0	3.5			
74	321010114	Trần Cao	Trung							0									0.0	0.0			
75	321010115	Phan Tiến	Trường							3									3.0	1.5			
76	321010115	Nguyễn Thanh	Tuân							5									5.0	2.5			
77	321010115	Bùi Đức	Tuấn							7									7.0	3.5			
78	321010115	Trần Như	Tú							5									5.0	2.5			
79	321010116	Lê Đăng	Văn							2									2.0	1.0			
80	321010116	Trần Hoàng	Việt							4									4.0	2.0			
81	321010116	Nguyễn Thế	Vương							4									4.0	2.0			

Tổng số: 81 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.00
Giỏi	0	0.00
Khá	1	1.23

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	0	0.00
Không đạt	80	98.77
Miễn thi	0.00	0.00

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	0	0.00

Tp. HCM, ngày tháng năm

Trưởng Khoa

Giáo viên bộ môn

Giáo Vụ Khoa